

Số: 303/2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 02 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2024/HNST ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Tuấn A, sinh năm 1969

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: 9 đường T, phường T, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Trần Ngọc Tuấn A, sinh năm 1969;

Bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1976;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Tuấn A và bà Ngô Thị Thu H thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Tuấn A và bà H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/1996, quyển số 01/P3 ngày 17/9/1996 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp chấm dứt kể từ ngày Quyết định thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Hai con chung tên **Trần Ngọc Phương T**, sinh ngày 29/6/1999 và **Trần Ngọc T** Tiên sinh ngày 23/11/2003 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

2.4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

3. Về án phí: Ông **Trần Ngọc Tuấn A** tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. **H1** lại cho ông **A** 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông **A** đã nộp theo Biên lai thu số 0007462 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

Lê Viết Hoàng Lâm